

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1862/UBND-KTHT  
V/v Thực hiện chương trình mục  
tiêu Quốc gia xây dựng NTM năm  
2022 trên địa bàn huyện

Vĩnh Linh, ngày 12 tháng 10 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Để đảm bảo hồ sơ thủ tục đầu tư xây dựng thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2022 không bị gián đoạn, trong thời gian chờ ban hành các Quyết định thiết kế mẫu, thiết kế điển hình và áp dụng các thiết kế sẵn có đảm bảo đúng quy định pháp luật, UBND huyện hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Đối với danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện theo Quyết định số 2378/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn Quảng Trị (*danh mục đính kèm*).

2. Đối với lập hồ sơ dự toán thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới trong năm 2022.

Thực hiện theo Văn bản số 1605/UBND-KTHT ngày 08/9/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc hướng dẫn lập dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng năm 2022.

3. Đối với lập hồ sơ dự toán thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới trong năm 2022 đường GTNT.

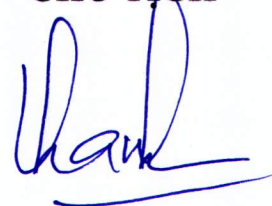
Thực hiện theo Văn bản số 1681/SGTVT-KCHT ngày 14/9/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Quyết định 3508/QĐ-SGTVT ...(*sao gửi đính kèm*).

Vậy, UBND huyện đề nghị các xã, thị trấn nghiên cứu thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: NN & PTNT, TC-KH, KT&HT;
- Lưu: VT-KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Thái Văn Thành**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: **2378/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 15 tháng 9 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Xây dựng tại văn bản số 1765/SXD-HTKT ngày 16/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục loại dự án áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Nguyên tắc, tiêu chí và trình tự, thủ tục quản lý các dự án áp dụng theo cơ chế đặc thù:

1. Nguyên tắc tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù: Thực hiện theo các quy định tại Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2. Tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù: Đáp ứng các quy định tại Điều 14 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

3. Trình tự, thủ tục quản lý đầu tư các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương (nếu có).

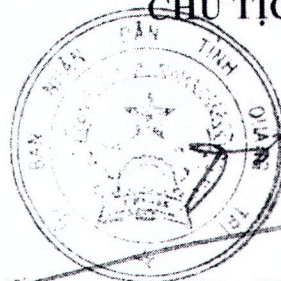
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TK*

**Nơi nhận:**

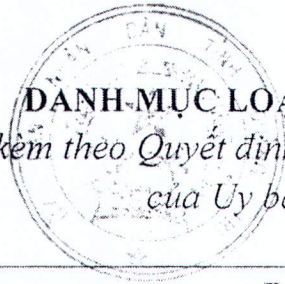
- Như Điều 3;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *ms*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
Võ Văn Hưng





**Phụ lục**

**DANH MỤC LOẠI DỰ ÁN ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **2378/QĐ-UBND** ngày **15** tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC CÔNG TRÌNH</b>
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông nông thôn</b>
1	Đường thôn, bản; đường liên thôn, bản; đường ngõ xóm
2	Đường trục chính nội đồng
3	Cống, rãnh thoát nước
<b>II</b>	<b>Công trình thủy lợi</b>
1	Kênh mương nội đồng do UBND xã quản lý
2	Các công trình trên kênh
<b>III</b>	<b>Công trình giáo dục</b>
	Cải tạo, sửa chữa các Trường Mầm non xã, Tiểu học, Trung học cơ sở (Không ảnh hưởng đến kết cấu, phá dỡ các hạng mục)
<b>IV</b>	<b>Công trình văn hóa</b>
1	Trung tâm thể thao (sân thể thao), nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng
2	Khu thể thao (sân thể thao), nhà văn hóa thôn, bản
3	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi (sân bãi được tạo mặt bằng hoặc được kiên cố hóa bằng bê tông)
<b>V</b>	<b>Công trình cấp nước sinh hoạt</b>
	Sửa chữa công trình cấp nước thôn, bản (sửa chữa đường ống phân phối, bể chứa và xử lý nước)
<b>VI</b>	<b>Công trình vệ sinh môi trường</b>
1	Điểm thu gom, trung chuyển rác thải của cụm xã, xã và các thôn
2	Điểm thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng
<b>VII</b>	<b>Công trình điện chiếu sáng nông thôn</b>
	Điện chiếu sáng các trục đường nông thôn
<b>VIII</b>	<b>Công trình hạ tầng thương mại nông thôn</b>
1	Điểm mua bán, trao đổi hàng hóa tập trung (mặt bằng bằng bê tông, các mái che đơn giản dùng để trao đổi hàng hóa)
2	Cải tạo, sửa chữa chợ nông thôn, miền núi (không ảnh hưởng đến kết cấu, phá dỡ các hạng mục)
<b>IX</b>	<b>Công trình y tế</b>
	Cải tạo, sửa chữa các Trạm y tế xã (không ảnh hưởng đến kết cấu, phá dỡ các hạng mục)
<b>X</b>	<b>Các công trình khác</b>
	Sân bê tông, tường rào, san nền, đường giao thông nông thôn khác



UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
**SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1681 /SGTVT-KCHT

Quảng Trị, ngày 14 tháng 9 năm 2022

V/v hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung  
Quyết định 3508/QĐ-SGTVT ngày  
09/10/2014 của Sở GTVT ban hành  
thiết kế mẫu đường GTNT.

Kính gửi: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện văn bản số 4286/UBND-TH ngày 07/9/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn lập hồ sơ dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022;

Trên cơ sở hồ sơ thiết kế mẫu dùng cho Chương trình kiên cố hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2015-2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 3508/QĐ-SGTVT ngày 09/10/2014 áp dụng cho đường xã, đường thôn, xóm, bản, ngõ phố và đường nội đồng;

Hiện nay, Bộ GTVT đã có Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 về việc ban hành "Hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025" áp dụng bổ sung thêm đường huyện;

Sở GTVT hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung các nội dung chính vào Quyết định số 3508/QĐ-SGTVT ngày 09/10/2014 của Sở GTVT để phù hợp với Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ GTVT; về chi tiết đề nghị các địa phương nghiên cứu Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ GTVT (*gửi kèm theo*);

1. Đường huyện:

1.1. Khái niệm: Đường huyện có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, là cầu nối chuyển tiếp hàng hóa, hành khách từ hệ thống đường quốc gia (quốc lộ, tỉnh lộ) đến trung tâm hành chính của huyện, của xã và các khu chế xuất của huyện; phục vụ sự đi lại và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của huyện.

1.2. Cấp thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của đường huyện: Đường huyện được thiết kế theo đường cấp IV, V, VI (theo TCVN 4054:2005):

a. Đường cấp IV:

- Tốc độ tính toán: 60 (40) km/h
- Số làn xe tối thiểu dành cho xe cơ giới: 2 làn
- Chiều rộng một làn xe: 3,5 (2,75) m



- Chiều rộng phần xe chạy dành cho xe cơ giới: 7,0 (5,5) m
- Chiều rộng nền đường: 9,0 (7,5) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn: 125 (60) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao: 1.500 (600) m
- Tĩnh không thông xe: 4,5 m

b. Đường cấp V:

- Tốc độ tính toán: 40 (30) km/h
- Số làn xe tối thiểu dành cho xe cơ giới: 2 (1) làn
- Chiều rộng một làn xe: 2,75 (3,5) m
- Chiều rộng phần xe chạy dành cho xe cơ giới: 5,5 (3,5) m
- Chiều rộng nền đường: 7,5 (6,5) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn: 60 (30) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao: 600 (350) m
- Tĩnh không thông xe: 4,5 m

c. Đường cấp VI:

- Tốc độ tính toán: 30 (20) km/h
- Số làn xe tối thiểu dành cho xe cơ giới: 1 làn
- Chiều rộng một làn xe: 3,5 m
- Chiều rộng phần xe chạy dành cho xe cơ giới: 3,5 m
- Chiều rộng nền đường: 6,5 (6,0) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn: 30 (15) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao: 350 (250) m
- Tĩnh không thông xe: 4,5 m

2. Đường xã:

2.1. Khái niệm: Đường xã có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của xã, kết nối và lưu thông hàng hóa từ huyện tới các thôn, làng, ấp, bản và các cơ sở sản xuất kinh doanh của xã. Đường xã chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của xã.

2.2. Cấp thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của đường xã: Đường xã được thiết kế theo đường cấp A hoặc cấp B (theo TCVN 10380:2014):

a. Đường cấp A:

- Tốc độ tính toán: 30 (20) km/h
- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,5 m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 6,5 (6,0) m
- Độ dốc siêu cao lớn nhất: 6%
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: 60 (30) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao: 350 (200) m

- Độ dốc dọc lớn nhất: 9 (11)%
- Chiều dài lớn nhất của đoạn có dốc dọc lớn hơn 5%: 300 m
- Tĩnh không thông xe: 4,5 m
- Kết cấu mặt đường điển hình:
  - + Bê tông xi măng M250-300 dày 18-20cm
  - + Đá dăm láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m<sup>2</sup> dày 15 cm

#### b. Đường cấp B:

- Tốc độ tính toán: 20 (15) km/h
- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,5 (3,0) m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 5,0 (4,0) m
- Độ dốc siêu cao lớn nhất: 5%
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: 30 (15) m
- Độ dốc dọc lớn nhất: 5 (13)%
- Chiều dài lớn nhất của đoạn có dốc dọc lớn hơn 5%: 300 m
- Tĩnh không thông xe: 3,5 m
- Kết cấu mặt đường điển hình:
  - + Bê tông xi măng  $\geq$ M250 dày 16-18cm
  - + Đá dăm láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m<sup>2</sup> dày 15 cm

#### 3. Đường thôn:

3.1. Khái niệm: Đường thôn chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của thôn, làng, ấp, bản; kết nối và lưu thông hàng hóa tới các trang trại, ruộng đồng, nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi.

3.2. Cấp thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của đường thôn: Đường thôn được thiết kế theo đường cấp B hoặc cấp C (theo TCVN 10380:2014):

a. Đường cấp B: (tương tự đường xã)

b. Đường cấp C:

- Tốc độ tính toán: 15 (10) km/h
- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,0 (2,0) m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 4,0 (3,0) m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: 15 m
- Độ dốc dọc lớn nhất: 5 (15)%
- Chiều dài lớn nhất của đoạn có dốc dọc lớn hơn 5%: 300 m
- Tĩnh không thông xe: 3,0 m
- Kết cấu mặt đường điển hình:
  - + Bê tông xi măng  $\geq$ M200 dày 14-16cm
  - + Đá dăm láng nhựa 2 lớp, tiêu chuẩn nhựa 3kg/m<sup>2</sup> dày 10 cm

4. Đường dân sinh (đường thôn, ngõ xóm):



4.1. Khái niệm: Đường dân sinh chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân giữa các cụm dân cư, các hộ gia đình và từ nhà đến nương rẫy, ruộng đồng, cơ sở sản xuất, chăn nuôi nhỏ lẻ... Phương tiện giao thông chủ yếu là xe đạp, xe mô tô hai bánh, xe kéo tay, ngựa thồ.

4.2. Cấp thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật của đường dân sinh: Đường dân sinh được thiết kế theo đường cấp D (theo TCVN 10380:2014):

- Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 1,5 m
- Chiều rộng nền đường tối thiểu: 2,0 m
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: 5,0 m

*\* Chú thích: Các giá trị trong ngoặc đơn của phần cấp đường áp dụng đối với địa hình miền núi, địa hình đồng bằng đặc biệt khó khăn hoặc bước đầu phân kỳ xây dựng.*

Trên đây là hướng dẫn lựa chọn quy mô, tiêu chuẩn tối thiểu áp dụng cho đường giao thông nông thôn. Các địa phương có khả năng huy động được nguồn vốn, điều kiện mặt bằng thuận lợi thì tăng quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật, tuy nhiên không nên chọn quy mô lớn hơn 2 làn xe. Đối với các tuyến được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo, để quản lý đất hành lang an toàn đường bộ và tạo điều kiện người dân tránh vi phạm xây dựng công trình trong phạm vi đất hành lang đường bộ, chủ đầu tư cần lập và tiến hành cắm mốc lộ giới theo quy định giới hạn hành lang đường bộ xác định theo quy hoạch đường bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu áp dụng, đảm bảo các tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các địa phương, đơn vị có văn bản phản ánh về Sở GTVT để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- VP điều phối NTM tỉnh;
- Lưu VT, KCHT.

